SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ THỌ
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH
LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2019-2020

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT Hạ Hoà

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
1	001	**130001**	HOÀNG PHÚ AN	Nam	27/04/2004	Bệnh viện nhân dân Gia Định	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	8,5	0,00	6,00	7,50	9,50	
2	001	**130002**	BÙI DUY ANH	Nam	28/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,5	0,00	5,50	6,00	4,75	
3	001	**130003**	BÙI THỊ LAN ANH	Nữ	01/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,3	0,00	9,25	7,75	5,75	
4	001	**130004**	CHU HẢI ANH	Nam	19/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,0	0,00	5,50	0,00	5,00	
5	001	**130005**	DOÃN NGỌC ANH	Nam	07/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,7	8,0	0,50	6,25	3,25	5,00	VĐBKK;
6	001	**130006**	ĐẶNG LAN ANH	Nữ	07/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,3	0,00	9,25	5,25	5,50	
7	001	**130007**	ĐINH LAN ANH	Nữ	05/02/2004	Hải Phòng	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,5	0,00	8,00	4,75	6,25	
8	001	**130008**	HOÀNG ANH	Nam	04/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,4	0,00	6,50	4,00	5,75	
9	001	**130009**	HOÀNG ANH	Nam	29/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,7	0,00	4,25	3,00	3,75	
10	001	**130010**	HOÀNG KỲ ANH	Nam	29/07/2004	Trung tâm y tế Hạ Hòa	Tày	Tốt	Khá	13,3	7,3	0,50	5,50	5,00	6,25	DT;
11	001	**130011**	HOÀNG NGỌC ANH	Nam	25/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,4	0,00	6,25	5,50	6,50	
12	001	**130012**	NGUYỄN GIA HOÀNG ANH	Nam	27/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	6,7	0,00	6,50	3,00	2,75	
13	001	**130013**	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	26/01/2004	Trung tâm y tế Hạ Hòa	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,5	0,00	5,75	4,25	8,00	
14	001	**130014**	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	30/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,5	0,00	6,50	3,75	5,00	
15	001	**130015**	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	24/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,4	8,9	0,00	9,00	9,00	8,00	
16	001	**130016**	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	12/11/2004	Bệnh Viện tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,7	0,00	6,25	5,75	6,25	
17	001	**130017**	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	26/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,6	0,00	4,50	3,50	2,50	
18	001	**130018**	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	18/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	8,1	0,00	6,25	5,25	6,75	
19	001	**130019**	TẠ NGỌC ANH	Nữ	13/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,9	0,00	6,75	4,00	2,25	
20	001	**130020**	TRẦN THỊ TÂM ANH	Nữ	09/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	6,9	0,00	2,75	2,75	3,00	
21	001	**130021**	CHU NGỌC ÁNH	Nữ	21/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	8,1	0,00	7,50	7,75	7,75	
22	001	**130022**	ĐINH THỊ MINH ÁNH	Nữ	02/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,9	0,00	7,00	1,75	5,25	
23	001	**130023**	NGÔ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	24/06/2004	Yên Bái	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,4	0,00	4,25	1,75	1,75	
24	001	**130024**	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	Nữ	24/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,5	0,50	5,00	3,00	5,50	VĐBKK;
25	002	**130025**	TRẦN NGỌC ÁNH	Nữ	22/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,5	0,50	5,50	3,00	1,75	VĐBKK;
26	002	**130026**	NGUYỄN KIM BÁCH	Nam	30/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,3	6,0	0,00	5,25	2,75	4,00	
27	002	**130027**	TẠ QUANG BẮC	Nam	01/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,8	0,00	6,00	4,75	6,00	
28	002	**130028**	PHAN NGUYỄN THỦY BIỂN	Nam	10/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	16,1	8,4	0,00	7,00	6,25	7,50	
29	002	**130029**	NGUYỄN THỊ LÊ BÌNH	Nữ	21/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,4	0,50	6,00	4,75	2,25	VĐBKK;
30	002	**130030**	DƯƠNG THỊ QUỲNH CHÂU	Nữ	03/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,8	0,00	4,00	3,75	4,00	
31	002	**130031**	VŨ KIM CHI	Nữ	11/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	7,8	0,00	7,25	2,75	7,75	
32	002	**130032**	ĐẶNG VIỆT CHINH	Nữ	06/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,6	0,50	8,00	6,50	7,75	VĐBKK;
33	002	**130033**	NGUYỄN MAI CHINH	Nữ	17/12/2004	Bệnh Viện ĐK tỉnh Yên Bái	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,5	0,50	4,50	2,00	2,25	VĐBKK;

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
34	002	**130034**	NGUYỄN THỊ LAN CHINH	Nữ	01/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,5	0,00	4,25	1,50	1,75	
35	002	**130035**	NGUYỄN THỊ THANH CHÚC	Nữ	05/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,6	6,8	0,50	6,25	1,25	2,00	VĐBKK;
36	002	**130036**	BÙI CHIẾN CÔNG	Nam	27/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,5	0,00	5,75	3,00	4,00	
37	002	**130037**	LÊ THÀNH CÔNG	Nam	20/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	8,2	0,00	7,50	6,00	8,50	
38	002	**130038**	LƯƠNG CHÍNH CÔNG	Nam	24/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,2	6,3	0,00	3,50	2,75	2,50	
39	002	**130039**	TRẦN ĐỨC CÔNG	Nam	11/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	6,9	0,00	5,50	4,25	6,25	
40	002	**130040**	HÀ KIM CÚC	Nữ	17/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,6	0,50	7,50	4,25	6,25	VĐBKK;
41	002	**130041**	KHUẤT MẠNH CƯỜNG	Nam	25/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,8	0,00	4,75	4,00	5,50	
42	002	**130042**	ĐẶNG THỊ BÍCH DIỆP	Nữ	03/05/2004	Cơ sở y tế 141 Lò Đúc Hà Nội	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,2	0,00	8,00	4,75	6,25	
43	002	**130043**	PHẠM ĐỨC DOANH	Nam	13/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	6,7	0,00	7,00	3,50	6,25	
44	002	**130044**	ĐỒNG THỊ KIM DUNG	Nữ	21/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	6,9	0,00	5,50	5,25	3,00	
45	002	**130045**	PHẠM THỊ PHƯƠNG DUNG	Nữ	09/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,1	0,00	8,50	5,75	5,25	
46	002	**130046**	TRẦN THÙY DUNG	Nữ	27/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,4	0,00	7,50	6,75	4,00	
47	002	**130047**	ĐÀO ĐỨC DUY	Nam	22/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,3	0,00	6,50	3,75	3,25	
48	002	**130048**	HÀ KHÁNH DUY	Nam	21/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,6	0,00	5,50	3,00	2,00	
49	003	**130049**	NGUYỄN TIẾN DUY	Nam	26/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,9	0,00	6,75	5,50	5,50	
50	003	**130050**	TRẦN MỸ DUYÊN	Nữ	11/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,9	0,50	6,25	5,75	4,75	VĐBKK;
51	003	**130051**	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	02/07/2004	Trung tâm y tế huyện Hạ Hòa	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,2	0,50	7,00	5,75	6,00	VĐBKK;
52	003	**130052**	TRẦN THẾ DUYỆT	Nam	09/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,6	0,00	5,25	4,00	2,50	
53	003	**130053**	NGUYỄN ANH DŨNG	Nam	03/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,4	0,00	6,50	5,25	6,25	
54	003	**130054**	BÙI XUÂN DƯƠNG	Nam	05/09/2004	Bệnh Viện Hạ Hòa	Kinh	Tốt	Khá	12,2	6,6	0,00	3,25	5,25	3,75	
55	003	**130055**	ĐÀO THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	02/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,9	6,5	0,00	5,00	2,00	3,25	
56	003	**130056**	HÀ THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	12/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,7	0,50	6,25	4,50	3,50	VĐBKK;
57	003	**130057**	NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG	Nam	28/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	8,1	0,00	6,25	6,00	5,50	
58	003	**130058**	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	11/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,3	0,00	7,00	5,50	9,00	
59	003	**130059**	TRỊNH HẢI DƯƠNG	Nam	25/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,0	0,00	3,50	3,50	3,50	
60	003	**130060**	VŨ THÙY DƯƠNG	Nữ	29/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,5	0,00	7,00	5,75	5,50	
61	003	**130061**	HOÀNG QUỐC ĐẠT	Nam	12/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,4	0,00	5,00	2,25	3,00	
62	003	**130062**	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	03/11/2004	Trạm y tế xã Bằng Giã	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,5	0,00	6,00	5,75	4,50	
63	003	**130063**	PHÙNG VĂN ĐẠT	Nam	27/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,7	0,00	5,00	2,50	2,00	
64	003	**130064**	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	08/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,1	0,00	3,50	1,50	1,25	
65	003	**130065**	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	16/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,6	6,3	0,00	3,00	1,00	1,75	
66	003	**130066**	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	19/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,3	0,00	5,50	3,75	4,75	
67	003	**130067**	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	23/01/2004	Phú Thọ	Kinh	TB	Khá	14,6	7,2	0,00	3,50	3,25	8,00	
68	003	**130068**	ĐẶNG THỊ NGỌC ĐIỆP	Nữ	19/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,8	0,00	4,00	5,25	4,75	
69	003	**130069**	CHU TIẾN ĐOÀN	Nam	16/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	6,9	0,00	4,25	3,25	3,00	
70	003	**130070**	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	Nam	05/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,2	0,00	4,25	4,50	4,50	
71	003	**130071**	LÊ ĐÌNH TRUNG ĐỨC	Nam	05/07/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,1	0,00	6,25	5,00	2,75	
72	003	**130072**	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	19/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,8	8,2	0,50	4,75	6,50	7,25	VĐBKK;

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
73	004	**130073**	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	12/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,8	0,00	4,75	5,00	7,00	
74	004	**130074**	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	Nam	11/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,8	6,3	0,00	4,25	2,00	2,25	
75	004	**130075**	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	15/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,8	0,00	6,50	5,00	6,75	
76	004	**130076**	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	18/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,9	0,00	7,25	8,25	5,25	
77	004	**130077**	ĐỖ NGUYÊN GIÁP	Nam	03/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,5	9,1	0,00	6,50	8,00	9,00	
78	004	**130078**	NGUYỄN VĂN GIÁP	Nam	04/07/2004	Trung tâm y tế Huyện Hạ Hòa	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,2	0,00	5,75	2,75	7,50	
79	004	**130079**	TRẦN THU HÀ	Nữ	22/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	8,1	0,00	6,75	4,50	5,25	
80	004	**130080**	TRẦN THU HÀ	Nữ	08/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,3	0,00	7,00	5,00	7,75	
81	004	**130081**	ĐÀO DUY HẢI	Nam	15/02/2004	Bệnh viện Đồng Nai	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,3	0,00	5,75	5,75	3,25	
82	004	**130082**	NGUYỄN NGỌC HẢI	Nam	30/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	8,1	0,00	6,25	7,25	6,25	
83	004	**130083**	TRỊNH ĐỨC HẢI	Nam	20/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	7,7	0,00	5,50	3,25	7,75	
84	004	**130084**	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Nữ	03/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	6,8	0,00	4,25	6,00	2,50	
85	004	**130085**	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	Nữ	18/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,5	0,00	4,50	2,50	3,50	
86	004	**130086**	TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	08/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,6	7,0	0,00	5,25	2,75	3,00	
87	004	**130087**	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	Nữ	17/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,0	0,00	5,75	3,25	7,50	
88	004	**130088**	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	Nữ	29/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,6	0,00	4,50	3,75	4,50	
89	004	**130089**	NGUYỄN THU HẰNG	Nữ	04/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,3	0,00	6,50	4,50	3,00	
90	004	**130090**	NGUYỄN THÚY HẰNG	Nữ	29/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,2	0,00	5,75	5,25	4,50	
91	004	**130091**	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	13/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,4	0,00	6,50	5,50	6,00	
92	004	**130092**	BÙI THỊ HẬU	Nữ	25/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,0	8,5	0,00	6,50	5,00	10,00	
93	004	**130093**	TRẦN TRUNG HẬU	Nam	30/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,1	0,00	5,00	4,00	5,25	
94	004	**130094**	HOÀNG THỊ THU HIỀN	Nữ	09/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,5	0,00	4,75	3,25	3,25	
95	004	**130095**	LÊ HOÀNG THU HIỀN	Nữ	21/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	8,6	0,00	6,25	7,50	6,00	
96	004	**130096**	PHÙNG THU HIỀN	Nữ	19/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,8	0,00	6,75	3,50	2,50	
97	005	**130097**	BÙI ĐÌNH TRUNG HIẾU	Nam	05/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	8,1	0,00	5,75	4,00	8,00	
98	005	**130098**	LÊ ĐÌNH HIẾU	Nam	06/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,3	0,50	5,50	4,00	5,50	VĐBKK;
99	005	**130099**	LÊ TRUNG HIẾU	Nam	20/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	6,9	0,00	4,25	2,00	3,75	
100	005	**130100**	NGUYỄN QUANG HIẾU	Nam	15/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,6	5,8	0,00	3,75	1,25	1,50	
101	005	**130101**	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	26/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	7,0	0,50	5,50	5,25	7,25	VĐBKK;
102	005	**130102**	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	11/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	8,4	0,00	5,00	6,50	9,75	
103	005	**130103**	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	05/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,6	6,2	0,00	3,50	0,50	1,75	
104	005	**130104**	TRƯƠNG ĐỨC HIỆU	Nam	13/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,4	0,00	4,25	3,50	5,00	
105	005	**130105**	NGUYỄN THỊ THANH HOA	Nữ	05/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,7	0,50	5,75	4,50	3,75	VĐBKK;
106	005	**130106**	NGUYỄN ĐĂNG HOAN	Nam	30/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,7	0,00	5,75	4,00	7,75	
107	005	**130107**	NGUYỄN THỊ HOAN	Nữ	10/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,2	0,00	6,25	2,75	4,75	
108	005	**130108**	BÙI THU HOÀI	Nữ	05/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,6	6,2	0,00	5,25	2,75	3,00	
109	005	**130109**	CHU VIỆT HOÀNG	Nam	22/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,3	0,00	4,75	5,25	4,00	
110	005	**130110**	ĐỖ NGỌC HOÀNG	Nam	15/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,0	0,50	7,00	6,50	5,00	VĐBKK;
111	005	**130111**	HỒ DUY HOÀNG	Nam	04/07/2003	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,4	0,00	4,50	3,75	2,75	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
112	005	**130112**	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	03/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7	7,0	0,00	5,25	4,75	3,25	
113	005	**130113**	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	Nam	16/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,5	0,00	5,00	6,25	7,25	
114	005	**130114**	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	12/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,2	0,50	5,25	6,00	8,00	CDT;
115	005	**130115**	PHÙNG VIỆT HÒA	Nam	14/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,0	0,00	5,25	4,00	7,00	
116	005	**130116**	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	Nữ	23/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,3	0,00	7,00	3,75	3,50	
117	005	**130117**	VŨ THỊ MINH HUẾ	Nữ	10/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,1	8,7	0,00	6,75	8,50	9,25	
118	005	**130118**	NGUYỄN KIM HUỆ	Nữ	29/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,6	0,00	6,25	5,50	6,50	
119	005	**130119**	ĐẶNG HỒNG HUY	Nam	28/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,6	0,00	5,25	4,75	6,50	
120	005	**130120**	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	15/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,4	0,00	5,75	3,00	6,00	
121	006	**130121**	THÁI QUANG HUY	Nam	24/09/2004	Phú Thọ	Kinh	TB	TB	11,3	6,3	0,00	5,50	2,75	4,50	
122	006	**130122**	ĐỖ THANH HUYỀN	Nữ	19/08/2004	Bệnh viện Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,2	0,00	7,25	6,50	5,75	
123	006	**130123**	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	29/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	18,5	9,2	0,00	7,75	8,75	8,00	
124	006	**130124**	NGUYỄN PHƯƠNG HUYỀN	Nữ	23/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,8	8,0	0,00	7,00	6,50	6,50	
125	006	**130125**	NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN	Nữ	11/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,5	0,00	5,75	2,50	3,00	
126	006	**130126**	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	27/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,4	0,50	7,25	5,00	5,50	VĐBKK;
127	006	**130127**	VŨ KHÁNH HUYỀN	Nữ	08/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,8	0,50				VĐBKK;
128	006	**130128**	HOÀNG PHI HÙNG	Nam	19/05/2004	Bệnh viện tỉnh Yên Bái	Kinh	Tốt	Khá	15,4	7,9	0,50	6,00	3,75	4,75	VĐBKK;
129	006	**130129**	HỒ ĐỨC HÙNG	Nam	13/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,3	0,50	4,75	3,00	6,00	VĐBKK;
130	006	**130130**	NGUYỄN PHI HÙNG	Nam	15/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	6,9	0,00	5,50	3,25	4,25	
131	006	**130131**	PHẠM VĂN HÙNG	Nam	03/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,2	0,00	3,75	2,50	1,50	
132	006	**130132**	TRẦN PHI HÙNG	Nam	12/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	9,9	5,8	0,00	4,25	1,75	2,00	
133	006	**130133**	DƯƠNG THU HƯƠNG	Nữ	03/06/2004	Bệnh Viện Yên Bái	Kinh	Tốt	Giỏi	17,9	9,1	0,00	8,00	8,25	8,75	
134	006	**130134**	ĐỖ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	18/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,6	8,5	0,00	6,25	7,25	6,50	
135	006	**130135**	NGUYỄN LAN HƯƠNG	Nữ	18/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,0	0,00	7,50	6,00	5,25	
136	006	**130136**	NGUYỄN MAI HƯƠNG	Nữ	13/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	8,4	0,00	6,50	8,75	6,25	
137	006	**130137**	NGUYỄN THANH HƯƠNG	Nữ	21/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,2	0,50	5,75	3,75	2,25	VĐBKK;
138	006	**130138**	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	14/12/2004	Trung tâm y tế huyện Yên Lập	Mường	Tốt	Khá	14,7	8,0	0,50	7,75	5,50	6,00	DT;
139	006	**130139**	TẠ NGUYỄN MINH HƯƠNG	Nữ	04/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,5	0,00	6,50	6,25	8,00	
140	006	**130140**	PHẠM THÚY HƯỜNG	Nữ	26/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,3	0,00	5,50	5,00	3,75	
141	006	**130141**	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	07/10/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,8	8,1	0,00	6,00	7,50	7,00	
142	006	**130142**	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	30/10/2004	Phú Thọ	Kinh	TB	TB	11,5	6,3	0,00	5,25	4,25	3,25	
143	006	**130143**	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	18/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,3	0,00	5,25	2,00	2,00	
144	006	**130144**	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nam	13/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	8,1	0,00	5,50	5,25	7,75	
145	007	**130145**	TRẦN DUY KHÁNH	Nam	13/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,9	0,00	6,50	5,25	7,50	
146	007	**130146**	MA QUANG KHẢI	Nam	29/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,7	0,00	5,25	6,00	3,00	
147	007	**130147**	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	Nam	02/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	7,0	0,00	6,25	3,00	5,00	
148	007	**130148**	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	10/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,3	0,00	4,00	1,25	2,75	
149	007	**130149**	BÙI THỊ NGỌC LAN	Nữ	30/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,8	0,50	6,25	4,50	5,75	VĐBKK;
150	007	**130150**	PHẠM NGỌC LÂM	Nữ	11/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,3	0,00	8,00	6,25	6,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
151	007	**130151**	NGUYỄN HƯƠNG LIÊN	Nữ	02/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,5	0,00	6,75	4,25	6,75	
152	007	**130152**	BÙI KHÁNH LINH	Nữ	23/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,6	0,00	6,00	6,75	6,75	
153	007	**130153**	CAO THÙY LINH	Nữ	21/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,9	0,00	7,25	7,50	6,25	
154	007	**130154**	CHU NGỌC LINH	Nam	21/02/2004	Trung tâm y tế Hạ Hòa	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,1	0,00	7,25	0,50	2,75	
155	007	**130155**	ĐÀO THỊ DIỆU LINH	Nữ	24/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,9	6,0	0,00	4,00	3,75	2,75	
156	007	**130156**	ĐẶNG NGỌC LINH	Nữ	08/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,3	0,00	7,50	5,00	6,25	
157	007	**130157**	ĐINH DIỆU LINH	Nữ	07/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,6	0,00	5,75	5,75	4,50	
158	007	**130158**	ĐINH THỊ HUYỀN LINH	Nữ	26/09/2004	Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh	Kinh	Tốt	Giỏi	16,9	8,7	0,00	6,75	9,00	6,50	
159	007	**130159**	ĐINH THỊ THÙY LINH	Nữ	18/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,5	0,50	5,50	3,00	3,25	VĐBKK;
160	007	**130160**	ĐỖ THỊ DIỆU LINH	Nữ	05/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,3	0,00	5,00	1,75	2,25	
161	007	**130161**	HÀ VIỆT LINH	Nữ	11/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,5	0,00	7,75	5,25	6,25	
162	007	**130162**	HOÀNG MAI LINH	Nữ	22/07/2004	Bệnh viện Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,7	0,00	7,50	6,50	6,25	
163	007	**130163**	MAI THÙY LINH	Nữ	16/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	6,9	0,50	6,75	3,50	2,75	VĐBKK;
164	007	**130164**	NGUYỄN HOÀNG MAI LINH	Nữ	10/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	7,8	0,00	6,75	3,25	7,25	
165	007	**130165**	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	29/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,8	6,6	0,00	5,50	3,00	5,00	
166	007	**130166**	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	14/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,7	0,50	5,50	3,00	6,75	VĐBKK;
167	007	**130167**	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	07/06/2004	Phú Thọ	Mường	Tốt	TB	10,9	6,3	0,50	5,75	2,50	2,00	DT;
168	007	**130168**	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	02/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,0	0,00	6,75	4,25	6,75	
169	008	**130169**	NGUYỄN THÙY LINH	Nam	24/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,2	0,50	6,50	4,00	3,75	VĐBKK;
170	008	**130170**	PHẠM BÙI KHÁNH LINH	Nữ	14/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,1	0,00	6,75	2,50	4,00	
171	008	**130171**	QUÁCH THÙY LINH	Nữ	02/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	8,1	0,00	7,00	6,00	6,25	
172	008	**130172**	TÔ KHÁNH LINH	Nữ	05/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,1	8,7	0,00	8,25	8,25	7,50	
173	008	**130173**	TRẦN DIỆU LINH	Nữ	31/12/2003	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	6,7	0,00	6,50	3,25	3,00	
174	008	**130174**	TRẦN DIỆU LINH	Nữ	07/09/2004	Yên Bái	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,4	0,00	7,75	8,25	5,25	
175	008	**130175**	TRẦN THỊ NGỌC LINH	Nữ	10/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	6,9	0,50	7,00	1,50	3,50	VĐBKK;
176	008	**130176**	TRẦN THỊ THÙY LINH	Nữ	06/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,2	0,00	5,75	3,00	3,75	
177	008	**130177**	TRẦN THỊ THÙY LINH	Nữ	09/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,3	0,50	5,50	3,50	2,50	VĐBKK;
178	008	**130178**	TRẦN THÙY LINH	Nữ	01/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,8	0,00	7,50	7,25	4,00	
179	008	**130179**	TRIỆU MAI THÙY LINH	Nữ	03/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,5	0,00	7,75	8,50	7,50	
180	008	**130180**	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	10/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,9	0,00	6,75	3,25	2,50	
181	008	**130181**	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Nam	09/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,4	0,00	5,00	3,00	2,25	
182	008	**130182**	PHAN ĐỨC LƯƠNG	Nam	17/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,8	0,00	8,00	6,50	7,50	
183	008	**130183**	TRẦN HỮU LỰC	Nam	16/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,2	0,50	7,00	3,50	4,75	VĐBKK;
184	008	**130184**	ĐẶNG THỊ KHÁNH LY	Nữ	02/10/2004	Yên Bái	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,3	0,00	7,25	4,25	4,25	
185	008	**130185**	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	15/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,2	0,50	7,25	4,75	7,00	VĐBKK;
186	008	**130186**	ĐỖ XUÂN MAI	Nữ	01/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,5	0,00	6,25	4,25	2,50	
187	008	**130187**	LÊ NGỌC MAI	Nữ	25/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,0	0,00	6,25	2,75	4,25	
188	008	**130188**	NGUYỄN HÀ NGỌC MAI	Nữ	25/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,1	8,0	0,00	7,50	5,75	5,50	
189	008	**130189**	PHẠM THỊ NGỌC MAI	Nữ	21/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,8	0,00	6,75	2,50	6,75	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
190	008	**130190**	ĐOÀN QUANG MẠNH	Nam	12/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,0	0,00	5,75	2,75	7,50	
191	008	**130191**	LÊ ĐỨC MẠNH	Nam	07/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,2	6,7	0,00	6,00	3,25	6,25	
192	008	**130192**	NGÔ ĐỨC MẠNH	Nam	12/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,3	0,00	5,75	2,75	6,50	
193	009	**130193**	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	18/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,5	0,00	6,25	4,25	7,75	
194	009	**130194**	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	07/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	8,0	0,00	6,75	5,00	6,50	
195	009	**130195**	DƯƠNG TUẤN MINH	Nam	11/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,2	0,50	6,00	3,50	4,75	VĐBKK;
196	009	**130196**	HỒ HUYỀN MY	Nữ	02/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,7	0,00	7,75	6,25	6,25	
197	009	**130197**	TRẦN TRÀ MY	Nữ	11/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,5	0,00	6,25	3,50	3,75	
198	009	**130198**	ĐÀO PHƯƠNG NAM	Nam	26/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,4	0,50	6,00	3,00	3,00	VĐBKK;
199	009	**130199**	HOÀNG QUANG NAM	Nam	27/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,5	6,2	0,00	4,75	1,75	2,00	
200	009	**130200**	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	13/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,6	6,3	0,00	4,75	2,50	3,25	
201	009	**130201**	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	14/04/2004	Bệnh Viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,8	0,00	5,00	3,75	6,00	
202	009	**130202**	NGUYỄN NGỌC NAM	Nam	14/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	6,7	0,50	3,50	2,00	5,50	VĐBKK;
203	009	**130203**	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	14/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	7,0	0,00	5,25	4,00	5,50	
204	009	**130204**	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	12/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,1	6,6	0,00	4,25	2,25	4,50	
205	009	**130205**	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	19/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,5	5,9	0,00	4,50	1,00	1,75	
206	009	**130206**	NGUYỄN THỊ HOÀI NAM	Nữ	10/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	8,3	0,00	7,00	5,75	7,50	
207	009	**130207**	PHAN GIANG NAM	Nam	03/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,3	0,00	5,75	5,75	4,50	
208	009	**130208**	TRẦN HOÀI NAM	Nữ	14/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,3	0,50	6,75	5,50	3,25	VĐBKK;
209	009	**130209**	VƯƠNG BÁ NAM	Nam	29/09/2004	Vĩnh Phúc	Kinh	Tốt	Khá	12,1	6,8	0,00	3,50	5,00	4,75	
210	009	**130210**	NGUYỄN THU NGÂN	Nữ	07/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	18,1	9,1	0,00	8,25	9,25	9,75	
211	009	**130211**	ĐẶNG HỒNG NGỌC	Nữ	26/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,5	0,00	5,50	3,50	2,25	
212	009	**130212**	ĐỖ THỊ HẢI NGỌC	Nữ	06/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,8	0,00	5,25	4,50	3,75	
213	009	**130213**	HÀ QUYỀN NGỌC	Nữ	01/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	6,7	0,50	6,00	2,50	2,50	VĐBKK;
214	009	**130214**	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	01/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	7,1	0,50	3,75	3,25	5,00	VĐBKK;
215	009	**130215**	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	27/06/2004	Trạm y tế TT Hạ Hòa	Kinh	Tốt	Khá	15,5	8,1	0,00	7,25	7,25	6,50	
216	009	**130216**	TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	09/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,2	0,50	6,25	2,75	3,00	VĐBKK;
217	010	**130217**	TRẦN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	01/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,7	0,00	7,00	9,00	6,75	
218	010	**130218**	VŨ BẢO NGỌC	Nữ	30/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,1	8,0	0,00	7,50	5,50	6,25	
219	010	**130219**	BÙI THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	06/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,6	8,5	0,50	7,50	4,50	7,00	VĐBKK;
220	010	**130220**	VŨ NHƯ NGUYỆT	Nữ	08/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,4	0,00	7,75	5,50	5,00	
221	010	**130221**	TRẦN KHÁNH NHẬT	Nam	16/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,5	0,00	7,00	7,75	7,25	
222	010	**130222**	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG NHI	Nữ	10/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	7,9	0,50	4,25	4,75	5,25	VĐBKK;
223	010	**130223**	NGUYỄN TRẦN YẾN NHI	Nữ	17/08/2004	Bệnh Viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,1	8,2	0,00	5,50	7,00	5,50	
224	010	**130224**	PHẠM HOÀNG NHI	Nữ	09/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,7	0,00	5,00	5,00	3,00	
225	010	**130225**	DƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	17/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,1	0,50	6,00	2,50	2,75	VĐBKK;
226	010	**130226**	KIM HỒNG NHUNG	Nữ	28/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,8	0,00	6,25	5,75	3,75	
227	010	**130227**	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	13/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,5	0,00	5,75	4,25	3,25	
228	010	**130228**	HOÀNG DUY PHONG	Nam	09/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,4	0,00	6,25	6,25	5,75	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm ƯT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
229	010	**130229**	ĐỖ THẢO PHƯƠNG	Nữ	20/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,2	0,00	7,25	3,75	3,75	
230	010	**130230**	LÊ THỊ LAN PHƯƠNG	Nữ	05/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,0	0,50	7,00	4,75	4,75	VĐBKK;
231	010	**130231**	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	23/06/2004	Trạm y tế TT Hạ Hòa	Kinh	Tốt	Khá	12,6	7,3	0,00	7,00	3,50	2,25	
232	010	**130232**	TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	30/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,6	0,00	5,50	3,00	6,50	
233	010	**130233**	VŨ ĐỨC PHƯƠNG	Nam	05/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,7	0,50	5,25	5,00	6,75	VĐBKK;
234	010	**130234**	VŨ LINH PHƯƠNG	Nữ	05/01/2004	Bệnh Viện tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,2	0,00	6,25	8,25	7,25	
235	010	**130235**	TRẦN VINH QUANG	Nam	31/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,7	0,00	4,75	3,00	2,50	
236	010	**130236**	TRẦN THỊ QUẾ	Nữ	07/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,2	0,00	7,00	5,00	5,50	
237	010	**130237**	ĐÀO THỊ HỒNG QUYÊN	Nữ	20/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,0	6,5	0,00	5,50	2,00	2,25	
238	010	**130238**	BÙI ĐỨC QUYỀN	Nam	21/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	6,8	0,50	2,75	1,00	3,25	VĐBKK;
239	010	**130239**	ĐẶNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	24/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,9	6,5	0,00	6,00	2,25	3,50	
240	010	**130240**	LÊ DIỄM QUỲNH	Nữ	03/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,7	0,00	5,50	2,50	4,75	
241	011	**130241**	LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	25/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,3	0,00	7,75	5,25	5,75	
242	011	**130242**	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	12/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	8,2	0,00	8,00	4,50	5,50	
243	011	**130243**	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	18/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,1	0,00	7,25	5,75	6,00	
244	011	**130244**	TẠ DIỄM QUỲNH	Nữ	29/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,6	6,4	0,00	5,25	3,00	2,00	
245	011	**130245**	TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	14/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,3	8,0	0,00	7,25	6,75	5,50	
246	011	**130246**	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	10/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5	7,8	0,00	7,25	4,00	5,00	
247	011	**130247**	PHẠM MẠNH TAM	Nam	14/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,0	0,00	5,00	5,00	7,25	
248	011	**130248**	TRẦN MỸ TÂM	Nữ	07/08/2004	Lào Cai	Kinh	Tốt	TB	10,5	6,2	0,00	4,75	2,75	2,50	
249	011	**130249**	TRẦN TRỌNG TÂN	Nam	16/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,2	6,7	0,00	4,50	4,25	5,25	
250	011	**130250**	LÊ NGỌC THANH	Nam	06/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,6	6,3	0,50	4,00	2,25	3,00	VĐBKK;
251	011	**130251**	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	Nữ	04/09/2004	Bệnh Viện tỉnh Yên Bái	Kinh	Tốt	Khá	11,9	6,8	0,50	5,25	3,50	2,25	VĐBKK;
252	011	**130252**	NGUYỄN NGỌC THÀ	Nam	28/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,6	5,7	0,00	6,25	4,50	3,25	
253	011	**130253**	NGUYỄN CÔNG THÀNH	Nam	06/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	Khá	12,7	6,8	0,00	3,75	4,75	4,75	
254	011	**130254**	NGUYỄN TRUNG THÀNH	Nam	05/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	8,1	0,50	6,00	7,00	4,25	VĐBKK;
255	011	**130255**	ĐẶNG QUỐC THÁI	Nam	20/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	Khá	13,4	7,2	0,00	3,50	2,25	5,25	
256	011	**130256**	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	Nữ	31/10/2004	Bệnh Viện Yên Bái	Tày	Tốt	Khá	14,3	8,2	0,50	6,50	6,25	5,00	DT;
257	011	**130257**	NGÔ PHƯƠNG THẢO	Nữ	24/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,4	0,50	7,00	3,75	4,75	VĐBKK;
258	011	**130258**	NGUYỄN ANH THẢO	Nam	04/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	Khá	12,3	6,9	0,00	5,75	3,25	4,25	
259	011	**130259**	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/02/2004	Trạm y tế TT Hạ Hòa	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,2	0,00	6,75	6,75	7,25	
260	011	**130260**	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	25/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,3	0,00	6,75	3,75	3,50	
261	011	**130261**	NINH THỊ HỒNG THẮM	Nữ	31/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,8	0,00	5,25	3,25	2,00	
262	011	**130262**	NGUYỄN VŨ VIỆT THẮNG	Nam	11/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,1	0,50	5,50	4,50	5,50	VĐBKK;
263	011	**130263**	TẠ ĐỨC THẮNG	Nam	09/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,9	8,2	0,00	5,75	6,75	7,00	
264	011	**130264**	NGUYỄN THỊ KIM THU	Nữ	14/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,9	0,50	5,75	4,00	6,00	VĐBKK;
265	012	**130265**	VŨ THỊ HOÀI THU	Nữ	27/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,0	0,00	6,00	2,50	3,25	
266	012	**130266**	ĐÀO THỊ MINH THÙY	Nữ	02/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,1	0,00	6,50	3,00	4,50	
267	012	**130267**	NGUYỄN DIỄM THÙY	Nữ	11/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,3	0,00	7,25	3,50	1,50	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm ƯT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
268	012	**130268**	LÊ THỊ THU THỦY	Nữ	14/09/2004	Phú Thọ	Tày	Tốt	Khá	13,9	7,5	0,50	6,50	3,25	2,50	DT;
269	012	**130269**	NGUYỄN THANH THỦY	Nữ	13/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,7	0,00	6,00	1,75	5,00	
270	012	**130270**	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	Nữ	01/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,4	0,50	7,00	5,50	7,50	VĐBKK;
271	012	**130271**	NGÔ THỊ THƯƠNG	Nữ	19/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5	7,7	0,00	8,00	3,00	5,50	
272	012	**130272**	NGUYỄN MAI THƯƠNG	Nữ	13/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	8,0	0,00	6,25	4,00	5,00	
273	012	**130273**	NGUYỄN MAI THƯỢNG	Nữ	05/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,1	6,7	0,00	6,50	3,50	2,50	
274	012	**130274**	TRẦN THỦY TIÊN	Nữ	17/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,9	0,00	6,75	5,00	5,00	
275	012	**130275**	ĐOÀN QUANG TIẾN	Nam	11/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,1	8,6	0,50	7,00	8,00	9,75	VĐBKK;
276	012	**130276**	NGUYỄN VĂN TIẾN	Nam	07/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,8	0,50	6,25	3,75	7,50	VĐBKK;
277	012	**130277**	LÃ NGỌC TĨNH	Nam	12/01/2004	Trung tâm y tế huyện Hạ Hòa	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,7	0,50	5,50	3,75	7,50	VĐBKK;
278	012	**130278**	BÙI HIỀN TRANG	Nữ	20/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,4	0,50	6,50	3,00	5,25	VĐBKK;
279	012	**130279**	CHU THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	15/11/2004	Bệnh viện tỉnh Yên Bái	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,7	0,50	4,75	4,75	4,00	VĐBKK;
280	012	**130280**	ĐẶNG THÙY TRANG	Nữ	15/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,3	0,00	6,00	5,00	5,50	
281	012	**130281**	ĐỖ THỊ THU TRANG	Nữ	02/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,3	0,00	6,50	3,75	3,75	
282	012	**130282**	LÊ THU TRANG	Nữ	20/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,3	0,00	4,75	2,00	3,00	
283	012	**130283**	NGUYỄN ĐOÀN HUYỀN TRANG	Nữ	01/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,0	6,7	0,00	4,75	4,50	7,50	
284	012	**130284**	NGUYỄN HOÀNG TRANG	Nữ	19/09/2004	Phú Thọ	Tày	Tốt	Giỏi	16,7	8,6	0,50	8,00	8,50	9,00	DT;
285	012	**130285**	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	17/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,6	0,00	5,00	3,00	2,00	
286	012	**130286**	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	22/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,2	0,00	5,50	3,25	5,00	
287	012	**130287**	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	31/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,1	0,50	5,75	5,50	4,75	VĐBKK;
288	012	**130288**	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	Nữ	18/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,4	7,1	0,50	5,25	4,50	4,00	VĐBKK;
289	013	**130289**	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	18/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,9	0,00	5,00	3,00	2,25	
290	013	**130290**	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	22/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,6	0,00	6,75	6,25	6,00	
291	013	**130291**	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	08/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	6,7	0,00	6,50	3,50	3,00	
292	013	**130292**	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	18/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	12,5	6,7	0,00	6,25	3,00	2,25	
293	013	**130293**	TRẦN THỊ THU TRANG	Nữ	09/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,0	0,00	6,00	5,75	3,50	
294	013	**130294**	NGUYỄN VIỆT THANH TRÀ	Nữ	02/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	8,6	0,00	7,25	7,00	7,50	
295	013	**130295**	PHÙNG QUANG TRÀ	Nam	24/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,4	0,00	5,25	3,00	8,00	
296	013	**130296**	DƯƠNG NGỌC TRÃI	Nam	02/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,8	0,00	4,75	1,75	5,50	
297	013	**130297**	TRẦN TIẾN TRỌNG	Nam	22/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	12,4	6,4	0,00	5,25	3,50	3,25	
298	013	**130298**	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	Nam	23/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,4	0,00	5,50	3,50	3,00	
299	013	**130299**	TÔ THANH TRÚC	Nữ	21/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	8,1	0,00	5,75	4,50	4,00	
300	013	**130300**	NGUYỄN LAM TRƯỜNG	Nam	14/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,8	0,00	4,75	5,75	5,50	
301	013	**130301**	NGUYỄN VIỆT TRƯỜNG	Nam	07/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,7	0,00	5,00	4,50	7,00	
302	013	**130302**	PHÍ ĐÌNH TRƯỜNG	Nam	27/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	8,7	0,00	9,00	6,25	6,50	
303	013	**130303**	NGUYỄN THÀNH TUÂN	Nam	10/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,8	6,5	0,00	4,25	3,00	2,50	
304	013	**130304**	BÙI MẠNH TUẤN	Nam	28/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,8	0,50	3,50	4,00	6,50	VĐBKK;
305	013	**130305**	CÙ ANH TUẤN	Nam	12/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,0	0,00	5,25	6,75	3,75	
306	013	**130306**	ĐỖ ANH TUẤN	Nam	13/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,5	8,8	0,00	7,25	8,75	9,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
307	013	**130307**	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	31/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,8	6,1	0,50	3,75	2,50	2,75	VĐBKK;
308	013	**130308**	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	12/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5	8,4	0,00	7,75	6,75	7,75	
309	013	**130309**	NGUYỄN QUANG TUẤN	Nam	15/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,8	6,0	0,00	6,00	3,25	2,75	
310	013	**130310**	PHẠM NGỌC THANH TÙNG	Nam	24/08/2004	Phú Thọ	Mường	Khá	TB	12,1	7,1	0,50	6,25	4,00	6,25	DT;
311	013	**130311**	PHẠM PHÚ TÙNG	Nam	03/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,4	0,00	6,75	6,50	6,25	
312	013	**130312**	VŨ HOÀNG TÙNG	Nam	28/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,6	0,00	5,50	7,00	7,50	
313	014	**130313**	ĐỖ ANH TÚ	Nam	02/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,3	6,2	0,00	4,75	4,75	1,00	
314	014	**130314**	NGUYỄN ANH TÚ	Nam	14/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,9	0,50	6,00	3,75	7,50	VĐBKK;
315	014	**130315**	NGUYỄN MẠNH TÚ	Nam	10/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	7,0	0,50	5,25	4,00	3,50	VĐBKK;
316	014	**130316**	NGUYỄN NGỌC TÚ	Nam	26/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,9	0,00	5,00	5,50	5,75	
317	014	**130317**	TRẦN QUANG TÚ	Nam	12/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,6	0,00	6,50	3,50	3,75	
318	014	**130318**	LÊ HỒNG VÂN	Nam	06/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,4	6,3	0,00	5,50	2,75	2,25	
319	014	**130319**	LÊ THỊ THANH VÂN	Nữ	13/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	0,50	7,25	6,50	8,00	VĐBKK;
320	014	**130320**	TRẦN THỊ HỒNG VÂN	Nữ	18/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,1	0,50	7,00	4,75	7,50	VĐBKK;
321	014	**130321**	NGHIÊM NGUYỄN HOÀNG VIỆT	Nam	15/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,7	0,50	5,25	2,75	3,50	VĐBKK;
322	014	**130322**	NGUYỄN DUY VIỆT	Nam	26/07/2003	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,0	5,8	0,50	4,00	3,50	0,75	VĐBKK;
323	014	**130323**	NGUYỄN HUY VŨ	Nam	23/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,4	0,50	5,50	4,00	3,50	VĐBKK;
324	014	**130324**	PHẠM HÙNG ANH VŨ	Nam	12/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,0	0,50	5,50	1,50	3,50	VĐBKK;
325	014	**130325**	PHẠM LONG VŨ	Nam	17/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,6	0,00	7,00	6,00	8,00	
326	014	**130326**	TRẦN KIM VŨ	Nam	29/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,8	0,00	4,50	7,50	1,75	
327	014	**130327**	LÊ CHIỀU XUÂN	Nữ	14/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,6	8,9	0,00	7,50	9,00	8,25	
328	014	**130328**	TRẦN THỊ THU YÊN	Nữ	19/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,5	0,00	6,25	2,50	5,00	
329	014	**130329**	TRỊNH HẢI YẾN	Nữ	24/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,6	0,00	7,50	6,50	8,00	
330	014	**130330**	VŨ THỊ HẢI YẾN	Nữ	18/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,1	0,50	5,75	3,25	1,75	VĐBKK;
331	014	**130331**	VŨ THU YẾN	Nữ	12/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,5	0,50	6,50	6,50	6,00	VĐBKK;

Bảng này có 331 thí sinh đăng ký dự thi trong đó có:

+ Môn Ngữ văn có: 330 thí sinh dự thi.
+ Môn Toán có: 330 thí sinh dự thi.
+ Môn Tiếng Anh có: 330 thí sinh dự thi.

Phú Thọ, ngày 13 tháng 6 năm 2019

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Quốc Lập

Phú Thọ, ngày 13 tháng 6 năm 2019

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH PHÚ THỌ

Trịnh Thế Truyền

NGƯỜI GHÉP ĐIỂM VÀ IN

Nguyễn Quốc Hương

NGƯỜI ĐỌC VÀ SOÁT BẢN IN

Hoàng Lê Tiến Dũng **Phạm Hồng Sơn**